

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 8 HOÀN THÀNH ĐỊNH MỨC
NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 686/QĐ-HVCSPT ngày 7/9/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
1	1	5083402001	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	07/10/1999	27	NH8
2	2	5083402002	NGUYỄN QUỲNH	ANH	16/10/1999	20	NH8
3	3	5083402003	ĐỖ NGỌC	ANH	09/02/1999	16	NH8
4	4	5083402004	VŨ NGỌC	ANH	17/09/1999	15	NH8
5	5	5083402005	VĂN THỊ VÂN	ANH	28/09/1999	20	NH8
6	6	5083402006	NGÔ TÚ	ÁNH	08/11/1999	36	NH8
7	7	5083402008	ĐOÀN THỊ KIM	CHI	15/04/1999	18	NH8
8	8	5083402009	NGUYỄN THỊ THANH	HẢI	19/02/1999	19	NH8
9	9	5083402010	LÊ THỊ THANH	HẢO	19/03/1999	19	NH8
10	10	5083402011	DƯƠNG HẢI	HẬU	07/10/1999	65	NH8
11	11	5083402012	HỖ THỊ THU	HIỀN	27/03/1999	16	NH8
12	12	5083402013	HOÀNG VĂN	HIỀN	04/11/1999	20	NH8
13	13	5083402014	NHÂM THU	HOÀI	20/09/1999	22	NH8
14	14	5083402018	HOÀNG TIẾN	HUY	11/10/1999	15	NH8
15	15	5083402019	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	LINH	04/12/1999	31	NH8
16	16	5083402021	ĐỒNG THỊ	LUYẾN	27/06/1998	33	NH8
17	17	5083402023	PHAN THỊ	MIỀN	13/09/1999	20	NH8
18	18	5083402026	PHẠM HÀ	NGÂN	07/07/1999	20	NH8
19	19	5083402027	NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	08/06/1999	19	NH8
20	20	5083402030	PHẠM THỊ MAI	PHƯƠNG	03/05/1999	29	NH8
21	21	5083402031	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	13/02/1999	25	NH8
22	22	5083402033	NGUYỄN MẠNH	THẮNG	11/12/1999	23	NH8
23	23	5083402034	PHÙNG TIẾN	THÀNH	08/03/1998	25	NH8
24	24	5083402035	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	25/03/1999	15	NH8
25	25	5083402037	LÊ MINH	THƯ	24/07/1999	17	NH8
26	26	5083402038	NGUYỄN PHƯƠNG	THỦY	07/10/1999	28	NH8
27	27	5083402039	LÊ THỊ THU	TRANG	07/12/1999	15	NH8
28	28	5083402042	ĐÀO THỊ HỒNG	VÂN	11/04/1999	16	NH8
29	29	5083402043	LÊ THỊ	XUÂN	26/09/1999	15	NH8
30	1	5083402147	VŨ THỊ MINH	ANH	8/24/1999	34	TC8B
31	2	5083402148	HOÀNG VÂN	ANH	8/9/1999	53	TC8B
32	3	5083402149	LÊ THỊ KIM	ANH	11/23/1999	25	TC8B
33	4	5083402150	LÊ HẢI	ANH	2/13/1999	16	TC8B
34	5	5083402151	PHẠM THỊ MAI	ANH	12/8/1999	23	TC8B
35	6	5083402152	PHẠM THỊ NHẬT	ÁNH	10/13/1999	19	TC8B
36	7	5083402153	PHẠM PHƯƠNG	CHINH	7/19/1999	21	TC8B
37	8	5083402154	LÊ THỊ HƯƠNG	GIANG	9/26/1999	16	TC8B
38	9	5083402155	NGUYỄN LINH	GIANG	8/8/1999	22	TC8B
39	10	5083402157	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀNG	8/29/1999	15	TC8B
40	11	5083402158	VŨ THỊ THÚY	HẠNH	12/3/1999	18	TC8B
41	12	5083402160	LÊ MINH	HIẾU	7/28/1999	15	TC8B
42	13	5083402161	NGUYỄN THANH	HÒA	9/18/1999	15	TC8B
43	14	5083402162	NGUYỄN THỊ MINH	HỒNG	9/17/1999	21	TC8B
44	15	5083402164	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	9/6/1999	19	TC8B
45	16	5083402166	ĐÌNH THU	HUYỀN	6/6/1999	22	TC8B

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
46	17	5083402168	NGUYỄN NGỌC	LAN	3/4/1999	18	TC8B
47	18	5083402169	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	7/9/1999	26	TC8B
48	19	5083402171	NGUYỄN VĨNH	LINH	10/30/1999	18	TC8B
49	20	5083402172	BÙI THẢO	LINH	12/24/1999	24	TC8B
50	21	5083402173	NGUYỄN THỊ HIỀN	LUƠNG	11/26/1999	16	TC8B
51	22	5083402174	NGUYỄN NGỌC	MAI	7/21/1999	15	TC8B
52	23	5083402175	NGUYỄN THỊ	NGỌC	7/30/1999	17	TC8B
53	24	5083402176	ĐÀO LÊ	NGUYỄN	8/26/1999	32	TC8B
54	25	5083402177	ĐINH THỊ	PHƯƠNG	6/15/1999	29	TC8B
55	26	5083402179	DOÃN HƯƠNG	QUỲNH	6/30/1999	20	TC8B
56	27	5083402180	VĂN HƯƠNG	QUỲNH	10/20/1999	29	TC8B
57	28	5083402182	TRẦN THỊ HOÀI	THU	1/28/1999	40	TC8B
58	29	5083402183	NGUYỄN THANH	THU	2/20/1999	15	TC8B
59	30	5083402184	LÊ THỊ MINH	THU	1/15/1999	17	TC8B
60	31	5083402185	PHẠM THỊ	THỦY	12/18/1999	25	TC8B
61	32	5083402186	TRẦN THỊ THUY	TIỀN	9/30/1999	29	TC8B
62	33	5083402188	ĐÀO HIỀN	TRANG	7/7/1999	16	TC8B
63	34	5083402189	HOÀNG THỊ THU	UYÊN	11/6/1999	33	TC8B
64	35	5083402191	TRẦN THANH	VÂN	10/4/1999	15	TC8B
65	1	5083402102	ĐINH QUỐC	ANH	20/03/1999	20	TC8A
66	2	5083402104	ĐỖ VIỆT	ANH	22/03/1999	15	TC8A
67	3	5083402105	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	22/03/1999	23	TC8A
68	4	5083402106	TRẦN THỊ VÂN	ANH	26/05/1999	17	TC8A
69	5	5083402108	HÀ THÙY	CHINH	26/01/1999	21	TC8A
70	6	5083402111	HOÀNG HƯƠNG	GIANG	21/03/1999	36	TC8A
71	7	5083402112	LÊ THU	HÀ	01/12/1999	20	TC8A
72	8	5083402113	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	31/10/1999	26	TC8A
73	9	5083402114	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	23/03/1999	31	TC8A
74	10	5083402116	NGUYỄN HỮU TRUNG	HIẾU	21/11/1999	19	TC8A
75	11	5083402117	NGUYỄN THỊ	HOAN	03/05/1999	24	TC8A
76	12	5083402118	NGUYỄN GIÁNG	HƯƠNG	15/09/1999	22	TC8A
77	13	5083402119	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/02/1999	32	TC8A
78	14	5083402120	LUƠNG KHÁNH	HUYỀN	27/03/1999	16	TC8A
79	15	5083402121	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	04/03/1999	38	TC8A
80	16	5083402123	LÊ NGUYỄN NHẬT	LINH	16/10/1999	19	TC8A
81	17	5083402124	ĐỖ QUANG	LINH	17/07/1999	35	TC8A
82	18	5083402125	LUƠNG THỊ	LINH	10/01/1999	21	TC8A
83	19	5083402126	LÊ THỊ BÍCH	LOAN	21/05/1999	22	TC8A
84	20	5083402130	NGUYỄN KIM	NGÂN	19/11/1999	17	TC8A
85	21	5083402132	ĐẶNG THU	NGUYỆT	20/10/1999	16	TC8A
86	22	5083402133	CAO THỊ HỒNG	NHUNG	04/01/1999	20	TC8A
87	23	5083402135	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	10/10/1999	31	TC8A
88	24	5083402137	NGUYỄN THỊ	TÂN	10/09/1999	21	TC8A
89	25	5083402138	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	THỂ	31/08/1999	15	TC8A
90	26	5083402139	LUƠNG THỊ	THIÊN	26/11/1999	28	TC8A
91	27	5083402140	PHẠM THỊ	THU	10/02/1999	31	TC8A
92	28	5083402141	ĐOÀN THỊ HOÀI	THƯƠNG	09/12/1999	34	TC8A
93	29	5083402142	NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	13/10/1999	46	TC8A
94	30	5083402143	PHẠM THU	THỦY	01/03/1998	19	TC8A
95	31	5083402144	NGUYỄN THỊ HIỀN	TRANG	24/12/1999	18	TC8A
96	32	5083402145	NGUYỄN THANH	TÚ	24/01/1999	27	TC8A
97	33	5083402146	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	31/03/1999	36	TC8A
98	1	5083401068	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	13/04/1999	16	QTDN8B

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
99	2	5083401069	TRẦN THỊ LAN	ANH	21/12/1999	20	QTDN8B
100	3	5083401070	NGUYỄN VIỆT	ANH	07/10/1999	16	QTDN8B
101	4	5083401071	NGUYỄN VIỆT TIẾN	ANH	09/01/1999	19	QTDN8B
102	5	5083401074	PHẠM QUỐC	ĐẠT	28/05/1996	44	QTDN8B
103	6	5083401075	TRỊNH THỊ KIM	DUNG	19/10/1998	32	QTDN8B
104	7	5083401076	DƯƠNG THU	GIANG	03/02/1999	25	QTDN8B
105	8	5083401077	PHẠM THỊ	HẢI	28/02/1999	18	QTDN8B
106	9	5083401078	HẠ THU	HẰNG	10/09/1999	30	QTDN8B
107	10	5083401079	TÔ THỊ THU	HẰNG	11/11/1999	15	QTDN8B
108	11	5083401081	TRẦN MINH	HIẾU	03/11/1999	15	QTDN8B
109	12	5083401082	TRẦN VĂN	HIẾU	28/03/1999	16	QTDN8B
110	13	5083401083	NGUYỄN VĂN	HIẾU	29/10/1999	24	QTDN8B
111	14	5083401084	VƯƠNG THỊ	HÒA	11/11/1999	33	QTDN8B
112	15	5083401085	PHẠM THỊ THU	HUỆ	11/09/1999	33	QTDN8B
113	16	5083401087	PHẠM THỊ	HƯƠNG	12/01/1998	31.5	QTDN8B
114	17	5083401088	NÔNG THỊ	HƯƠNG	01/07/1999	16	QTDN8B
115	18	5083401089	PHẠM QUANG	HUY	02/08/1999	53	QTDN8B
116	19	5083401090	ĐÀO THỊ	HUYỀN	12/09/1999	23	QTDN8B
117	20	5083401091	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	08/07/1999	21	QTDN8B
118	21	5083401092	VŨ KHÁNH	HUYỀN	27/03/1999	28	QTDN8B
119	22	5083401093	HỒNG VÂN	KHÁNH	21/07/1999	34	QTDN8B
120	23	5083401094	NGUYỄN THỊ	LIỄU	01/01/1999	34	QTDN8B
121	24	5083401095	HÀ THUY	LINH	20/10/1999	15	QTDN8B
122	25	5083401096	PHÙNG THỊ HÀ	LINH	27/10/1999	15	QTDN8B
123	26	5083401097	NGUYỄN NGỌC	LINH	19/07/1999	26	QTDN8B
124	27	5083401098	DIỆP TRÚC	LINH	09/11/1999	16	QTDN8B
125	28	5083401099	TRẦN THỊ HOÀI	LINH	07/10/1999	28.5	QTDN8B
126	29	5083401100	NGUYỄN THỊ	LỢI	14/09/1999	20.5	QTDN8B
127	30	5083401101	NGUYỄN THỊ TÂM	LUƠNG	02/05/1999	15	QTDN8B
128	31	5083401102	THÂN KHÁNH	LY	27/05/1999	68	QTDN8B
129	32	5083401103	PHẠM THỊ PHƯƠNG	MAI	26/01/1999	22	QTDN8B
130	33	5083401104	ĐỖ THANH	MAI	06/12/1999	21	QTDN8B
131	34	5083401105	NGUYỄN THỊ	MAI	12/02/1999	15	QTDN8B
132	35	5083401106	TRẦN THỊ HUYỀN	MY	05/02/1998	21	QTDN8B
133	36	5083401107	THIỆU THỊ THÚY	NGA	04/10/1999	27	QTDN8B
134	37	5083401109	HÀ THỊ	NGÂN	07/05/1999	33	QTDN8B
135	38	5083401110	NGUYỄN THỊ	NGOAN	04/12/1999	28	QTDN8B
136	39	5083401111	ĐẶNG LÊ	NGỌC	20/10/1999	20	QTDN8B
137	40	5083401112	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	05/11/1999	24	QTDN8B
138	41	5083401113	HOÀNG THỊ	NHI	06/02/1999	37	QTDN8B
139	42	5083401114	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	07/01/1999	16	QTDN8B
140	43	5083401116	ĐỒNG THỊ TRANG	NHUNG	04/12/1999	17.5	QTDN8B
141	44	5083401117	NGÔ THỊ	PHÚ	15/09/1999	26	QTDN8B
142	45	5083401118	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	10/11/1999	20	QTDN8B
143	46	5083401119	VŨ THỊ	PHƯỢNG	20/05/1999	24.5	QTDN8B
144	47	5083401120	BÙI MINH	PHƯỢNG	19/10/1999	25	QTDN8B
145	48	5083401121	VŨ HỒNG	QUÝ	11/08/1999	25	QTDN8B
146	49	5083401122	HÀN THỊ NGỌC	QUYNH	22/04/1999	27	QTDN8B
147	50	5083401124	TRẦN MINH	TÂM	29/12/1999	22	QTDN8B
148	51	5083401126	HỒ THANH	TÂM	23/11/1999	36.5	QTDN8B
149	52	5083401127	NGUYỄN THỊ	THANH	04/07/1999	16	QTDN8B
150	53	5083401128	ĐÀO THỊ	THUY	11/11/1999	15	QTDN8B
151	54	5083401129	NGUYỄN VŨ THUY	TRANG	22/08/1999	25	QTDN8B
152	55	5083401132	NGUYỄN ĐỨC	TUẤN	15/11/1999	31	QTDN8B

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
153	56	5083401133	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	31/10/1999	15	QTDN8B
154	57	5083401134	NGUYỄN KHẮC	TUYÊN	12/10/1999	31	QTDN8B
155	58	5083401135	NGUYỄN NGỌC	VIỆT	06/10/1999	33	QTDN8B
156	59	5083401062	VŨ THÙY	TRINH	23/11/1999	17	QTDN8B
157	1	5083401001	PHẠM QUỐC	ẤN	13/06/1999	34	QTDN8A
158	2	5083401002	NGÔ DIỆU	ANH	5/9/1999	19	QTDN8A
159	3	5083401003	VY THỊ LAN	ANH	3/12/1998	22	QTDN8A
160	4	5083401004	NGUYỄN LAN	ANH	29/08/1999	47	QTDN8A
161	5	5083401005	VŨ NGỌC	ÁNH	25/03/1999	35	QTDN8A
162	6	5083401006	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	9/3/1999	23	QTDN8A
163	7	5083401010	HOÀNG THỊ	ĐÀO	12/9/1999	24	QTDN8A
164	8	5083401012	PHẠM THỊ	DUYÊN	25/10/1999	24	QTDN8A
165	9	5083401014	BÙI THỊ THÚY	HÀNG	11/7/1999	19	QTDN8A
166	10	5083401015	BÙI THỊ BÍCH	HẠNH	1/4/1999	30	QTDN8A
167	11	5083401017	HÀ KHÁNH	HUỖNG	30/06/1999	31	QTDN8A
168	12	5083401019	NGUYỄN ĐẠO	HUY	2/8/1999	32	QTDN8A
169	13	5083401021	HÀ THỊ THANH	HUYỀN	13/05/1999	33	QTDN8A
170	14	5083401022	NGUYỄN THU	HUYỀN	31/08/1999	39	QTDN8A
171	15	5083401023	PHẠM THANH	HUYỀN	10/9/1999	17	QTDN8A
172	16	5083401024	NGUYỄN THỊ	LAM	28/11/1999	18	QTDN8A
173	17	5083401026	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	10/6/1999	28	QTDN8A
174	18	5083401027	TRẦN NGỌC	LINH	30/01/1999	21	QTDN8A
175	19	5083401030	HOÀNG THỊ	LOAN	17/04/1999	25	QTDN8A
176	20	5083401031	LẠI TRỌNG	LỤC	9/6/1999	32	QTDN8A
177	21	5083401033	LÊ KHÁNH	LY	17/06/1999	22	QTDN8A
178	22	5083401034	TRẦN NGỌC	MAI	27/11/1999	20	QTDN8A
179	23	5083401035	PHAN THỊ HOA	MAI	16/11/1999	32	QTDN8A
180	24	5083401036	ĐỖ NHẬT	MINH	27/02/1999	34	QTDN8A
181	25	5083401038	TRẦN THỊ	NGA	24/07/1999	18	QTDN8A
182	26	5083401039	TRIỆU THỊ QUỲNH	NGA	24/11/1998	42	QTDN8A
183	27	5083401040	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	6/8/1999	36	QTDN8A
184	28	5083401042	NGUYỄN BẢO	NHÃ	10/3/1999	46	QTDN8A
185	29	5083401043	PHẠM TRANG	NHUNG	1/7/1999	22	QTDN8A
186	30	5083401044	NGUYỄN XUÂN	PHONG	11/9/1999	15	QTDN8A
187	31	5083401045	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	13/01/1999	15	QTDN8A
188	32	5083401046	VŨ THỊ MINH	PHƯƠNG	6/7/1999	36	QTDN8A
189	33	5083401048	ĐẶNG MINH	TÂM	6/11/1999	24	QTDN8A
190	34	5083401050	NGUYỄN DUY	THÀNH	5/7/1999	18	QTDN8A
191	35	5083401051	VŨ THỊ	THÚ	31/12/1999	21	QTDN8A
192	36	5083401052	NGUYỄN THỊ	THÚY	10/5/1999	22	QTDN8A
193	37	5083401053	NGUYỄN THỊ THỦY	TIỀN	20/06/1999	23	QTDN8A
194	38	5083401055	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRANG	1/2/1999	21	QTDN8A
195	39	5083401056	NGUYỄN THỦY	TRANG	24/04/1999	27	QTDN8A
196	40	5083401057	TẠ THỊ THU	TRANG	13/11/1999	32	QTDN8A
197	41	5083401058	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	8/7/1999	17	QTDN8A
198	42	5083401059	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	27/05/1999	22	QTDN8A
199	43	5083401061	ĐỖ MINH	TRÍ	13/03/1998	30	QTDN8A
200	44	5083401064	DƯƠNG THU	UYÊN	4/3/1998	25	QTDN8A
201	45	5083401065	NGUYỄN THỊ	VÂN	19/11/1999	24	QTDN8A
202	46	5083401067	TRƯƠNG THỊ HẢI	YẾN	19/05/1999	22	QTDN8A
203	1	5083101101	BÙI DIỆU	ANH	12/05/1999	24	KHPT8A
204	2	5083101103	NGUYỄN TUẤN	ANH	18/10/1998	18	KHPT8A
205	3	5083101105	HÀ THỊ	BÌNH	11/11/1999	40	KHPT8A

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
206	4	5083101106	HOÀNG LINH	CHI	08/10/1999	15	KHPT8A
207	5	5083101108	NGUYỄN THỊ	DUNG	06/04/1999	25	KHPT8A
208	6	5083101109	BÙI TRƯỜNG	GIANG	18/03/1999	16	KHPT8A
209	7	5083101110	ĐỒNG THỊ	HÀ	28/11/1999	22	KHPT8A
210	8	5083101111	NGUYỄN VIỆT	HÀ	09/04/1999	17	KHPT8A
211	9	5083101112	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	11/05/1999	17	KHPT8A
212	10	5083101113	TẠ THỊ	HẰNG	28/11/1999	15	KHPT8A
213	11	5083101114	TÔNG THỊ	HIỀN	10/12/1999	18	KHPT8A
214	12	5083101115	NGUYỄN ĐỨC	HIỆP	23/06/1999	17	KHPT8A
215	13	5083101116	LÊ THỊ MỸ	HOA	23/08/1999	57	KHPT8A
216	14	5083101117	NGÔ THỊ	HOÀI	07/05/1999	28	KHPT8A
217	15	5083101118	NGUYỄN THÁI	HUỆ	02/11/1999	21	KHPT8A
218	16	5083101119	TƯỜNG THỊ	HƯƠNG	08/06/1999	23	KHPT8A
219	17	5083101121	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	7/24/1998	17	KHPT8A
220	18	5083101122	NGUYỄN THỊ BÍCH	LIÊN	14/01/1999	30	KHPT8A
221	19	5083101123	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	20/04/1999	51	KHPT8A
222	20	5083101124	HOÀNG THỊ	LINH	13/07/1999	19	KHPT8A
223	21	5083101126	LÊ TÔ HẢI	LONG	17/08/1999	18	KHPT8A
224	22	5083101128	CÀM NGỌC	MAI	07/03/1999	26	KHPT8A
225	23	5083101130	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	03/11/1999	21	KHPT8A
226	24	5083101132	LƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	17/07/1999	19	KHPT8A
227	25	5083101133	TRẦN THU	PHƯƠNG	14/08/1999	17	KHPT8A
228	26	5083101134	TẠ THỊ	QUỲNH	12/04/1999	31	KHPT8A
229	27	5083101135	THÁI PHƯƠNG	QUỲNH	19/04/1999	18	KHPT8A
230	28	5083101136	PHẠM HỮU	SƠN	12/07/1999	16	KHPT8A
231	29	5083101137	NGUYỄN THỊ	THANH	21/08/1999	33	KHPT8A
232	30	5083101138	NGUYỄN THỊ	THẢO	06/06/1999	22	KHPT8A
233	31	5083101140	NGUYỄN THỊ	THU	04/02/1999	26	KHPT8A
234	32	5083101141	LÊ THỊ HUYỀN	THƯƠNG	18/12/1999	20	KHPT8A
235	33	5083101142	ĐOÀN THỊ	THÚY	08/03/1999	20	KHPT8A
236	34	5083101144	CAO THỊ THU	TRANG	03/06/1999	40	KHPT8A
237	35	5083101146	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÚ	18/10/1999	15	KHPT8A
238	36	5083101147	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	10/09/1999	18	KHPT8A
239	37	5083101148	NGUYỄN THỊ	XUÂN	08/07/1999	23	KHPT8A
240	38	5083106548	LÊ HÙNG THIÊN	NGHĨA	23/4/1999	16	KHPT8A
241	1	5083101149	VŨ PHƯƠNG	ANH	17/09/1999	20	KHPT8B
242	2	5083101150	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	30/11/1998	23	KHPT8B
243	3	5083101151	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	23/11/1999	17	KHPT8B
244	4	5083101153	ĐÀO THỊ	DINH	08/09/1999	23	KHPT8B
245	5	5083101154	ĐÀO THỊ	DUNG	04/04/1999	22	KHPT8B
246	6	5083101155	HOÀNG THỊ	GIANG	28/01/1999	19	KHPT8B
247	7	5083101156	LƯU THỊ	GIANG	29/01/1999	30	KHPT8B
248	8	5083101157	HOÀNG THU	HÀ	11/08/1999	30	KHPT8B
249	9	5083101158	PHẠM THANH	HẢI	25/01/1999	37	KHPT8B
250	10	5083101160	NGUYỄN THỊ	HẢO	10/03/1999	18	KHPT8B
251	11	5083101161	NGUYỄN THU	HIỀN	12/11/1999	37	KHPT8B
252	12	5083101162	MAI LÊ TRUNG	HIỂU	29/11/1999	54	KHPT8B
253	13	5083101163	NGUYỄN THỊ MỸ	HOA	21/06/1999	18.5	KHPT8B
254	14	5083101164	VŨ THỊ	HUẾ	14/01/1999	18.5	KHPT8B
255	15	5083101165	ĐOÀN THỊ	HUỆ	28/12/1999	15	KHPT8B
256	16	5083101166	PHẠM THỊ	HƯƠNG	16/02/1999	24	KHPT8B
257	17	5083101167	VŨ NAM	HUY	05/05/1999	16	KHPT8B
258	18	5083101168	ĐÀO THỊ	LIÊN	07/09/1999	19	KHPT8B

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
259	19	5083101169	PHẠM QUỲNH	LIÊN	07/10/1999	16	KHPT8B
260	20	5083101170	TRƯƠNG THỊ YẾN	LINH	10/07/1999	41	KHPT8B
261	21	5083101171	TRẦN THẢO	LINH	26/11/1999	16	KHPT8B
262	22	5083101173	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	02/02/1999	17	KHPT8B
263	23	5083101174	NGUYỄN TIẾN	MINH	09/06/1999	88	KHPT8B
264	24	5083101175	HOÀNG	NHẬT	02/01/1998	20	KHPT8B
265	25	5083101176	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	14/04/1999	17	KHPT8B
266	26	5083101177	PHẠM THỊ KIM	OANH	18/01/1999	23	KHPT8B
267	27	5083101178	PHẠM THỊ NGỌC	OANH	25/09/1999	15	KHPT8B
268	28	5083101179	CAO THỊ	PHƯƠNG	19/12/1999	23	KHPT8B
269	29	5083101180	TRẦN THU	QUỲNH	17/12/1999	19	KHPT8B
270	30	5083101182	LÊ THỊ	SANG	13/06/1999	23	KHPT8B
271	31	5083101183	NGUYỄN THỊ	THẨM	06/11/1999	16	KHPT8B
272	32	5083101184	PHẠM THỊ	THANH	03/06/1999	15	KHPT8B
273	33	5083101185	TRẦN THU	THẢO	17/02/1999	18	KHPT8B
274	34	5083101187	HOÀNG THỊ	THU	06/10/1999	18	KHPT8B
275	35	5083101188	PHAN THỊ THU	THUY	06/10/1999	18	KHPT8B
276	36	5083101189	VŨ THỊ HƯƠNG	TRÀ	01/03/1999	16	KHPT8B
277	37	5083101190	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	26/12/1999	15	KHPT8B
278	38	5083101192	TẠ THANH	TÚ	26/04/1999	16	KHPT8B
279	1	5083105001	LÊ THỊ LÂM	ANH	10/06/1999	19	QLC8
280	2	5083105002	LÊ VÂN	ANH	14/09/1999	15	QLC8
281	3	5083105004	MAI ĐỨC	ANH	05/08/1999	46	QLC8
282	4	5083105005	DƯƠNG THẾ	ANH	30/07/1999	42	QLC8
283	5	5083105007	NGUYỄN THẾ	CUÔNG	29/11/1999	19	QLC8
284	6	5083105008	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	09/03/1999	30	QLC8
285	7	5083105009	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	19/05/1999	20	QLC8
286	8	5083105010	HOÀNG LÊ	DUYÊN	03/11/1999	34	QLC8
287	9	5083105011	NGUYỄN KHÁNH	HÀ	28/02/1999	37	QLC8
288	10	5083105015	TRẦN THỊ	HẠNH	18/06/1999	18	QLC8
289	11	5083105016	NGUYỄN THỊ	HẠNH	30/4/1999	20	QLC8
290	12	5083105017	NGUYỄN THẾ	HÙNG	05/09/1999	24	QLC8
291	13	5083105018	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	24/03/1999	33	QLC8
292	14	5083105021	MẠC THỊ THÁI	LINH	09/07/1999	27	QLC8
293	15	5083105024	ĐỖ THẢO	MAI	06/10/1999	18	QLC8
294	16	5083105025	TUỖNG THỊ NGỌC	MAI	01/11/1999	15	QLC8
295	17	5083105029	BÀNG THỊ BÍCH	NGỌC	15/10/1999	24	QLC8
296	18	5083105031	MAI THỊ HỒNG	NHUNG	30/06/1999	20	QLC8
297	19	5083105032	PHẠM HỒNG	PHÚC	14/12/1999	28	QLC8
298	20	5083105033	MAI THU	PHƯƠNG	11/10/1999	17	QLC8
299	21	5083105035	NGUYỄN THỊ	SEN	22/04/1999	17	QLC8
300	22	5083105036	PHẠM THỊ MINH	TÂM	25/07/1995	15	QLC8
301	23	5083105037	LÊ HUY	THẮNG	06/04/1998	42	QLC8
302	24	5083105038	BÙI PHƯƠNG	THẢO	20/08/1999	20	QLC8
303	25	5083105039	NGUYỄN HÀ	TRANG	06/09/1999	46	QLC8
304	26	5083105040	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	19/07/1999	16	QLC8
305	27	5083105041	PHÙNG THỊ HÀ	TRANG	10/10/1999	22	QLC8
306	28	5083105042	NGUYỄN VĂN	TRUNG	24/08/1997	15	QLC8
307	29	5083105045	ĐIỀU CHÍNH	TUẤN	03/05/1999	49	QLC8
308	30	5083105047	HOÀNG KIM	YẾN	20/11/1999	21	QLC8
309	1	5083106233	ĐẶNG PHƯƠNG	ANH	23/11/1999	24	KTĐN8C
310	2	5083106234	LÊ THỊ	CHÚC	07/03/1999	22	KTĐN8C
311	3	5083106237	ĐỖ THỊ	DIỆP	10/10/1999	23	KTĐN8C

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
312	4	5083106239	ĐỖ TUẤN	DƯƠNG	26/03/1999	45	KTĐN8C
313	5	5083106240	PHẠM THỊ	DUYÊN	21/03/1999	24	KTĐN8C
314	6	5083106241	TRẦN THỊ THU	HẰNG	06/08/1999	32	KTĐN8C
315	7	5083106243	LÊ THỊ	HẠNH	20/08/1999	17	KTĐN8C
316	8	5083106244	TÔ THỊ TÚ	HIỀN	02/10/1999	33	KTĐN8C
317	9	5083106245	LÊ QUANG	HIẾU	02/03/1999	128	KTĐN8C
318	10	5083106246	NGUYỄN THỊ	HOA	01/12/1999	30	KTĐN8C
319	11	5083106247	VŨ TRỌNG	HÒANG	20/09/1999	25	KTĐN8C
320	12	5083106248	TRẦN MẠNH	HÙNG	10/10/1999	35	KTĐN8C
321	13	5083106249	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	19/05/1999	20	KTĐN8C
322	14	5083106250	PHẠM THỊ	HUYỀN	05/10/1999	28	KTĐN8C
323	15	5083106251	CÙ THỊ	HUYỀN	13/02/1999	16	KTĐN8C
324	16	5083106252	PHẠM DUY	KHÁNH	27/10/1999	25	KTĐN8C
325	17	5083106253	TRẦN NGUYỄN HỒNG	LAM	21/06/1999	23	KTĐN8C
326	18	5083106254	ÂU NGỌC	LÂM	01/06/1997	49	KTĐN8C
327	19	5083106255	NGÔ THỊ BÍCH	LÊ	19/12/1999	25	KTĐN8C
328	20	5083106257	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	09/02/1999	32	KTĐN8C
329	21	5083106259	NGUYỄN THỊ	LINH	04/05/1999	29	KTĐN8C
330	22	5083106260	TRẦN XUÂN	LONG	17/10/1999	20	KTĐN8C
331	23	5083106261	NGUYỄN TRẦN TRANG	LY	20/10/1999	21	KTĐN8C
332	24	5083106262	NGUYỄN THỊ THANH	MAI	22/11/1999	22	KTĐN8C
333	25	5083106263	LÊ ĐỨC	MINH	20/02/1999	34	KTĐN8C
334	26	5083106265	PHẠM THỊ HOÀNG	NGÂN	23/07/1999	26	KTĐN8C
335	27	5083106266	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGUYỄN	22/09/1999	29	KTĐN8C
336	28	5083106267	PHẠM HỒNG	NHUNG	23/10/1999	28	KTĐN8C
337	29	5083106268	PHAN THỊ	NINH	21/04/1999	38	KTĐN8C
338	30	5083106269	NGUYỄN LAN	PHƯƠNG	25/08/1998	15	KTĐN8C
339	31	5083106271	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	20/03/1998	31	KTĐN8C
340	32	5083106272	PHẠM THỊ HƯƠNG	QUỲNH	06/06/1999	19	KTĐN8C
341	33	5083106273	PHẠM HƯƠNG	QUỲNH	18/03/1999	29	KTĐN8C
342	34	5083106274	VŨ XUÂN	SANG	30/09/1998	19	KTĐN8C
343	35	5083106275	LÊ PHƯƠNG	THANH	11/11/1999	19	KTĐN8C
344	36	5083106276	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	30/09/1999	22	KTĐN8C
345	37	5083106277	TÔ PHƯƠNG	THẢO	13/01/1999	23	KTĐN8C
346	38	5083106280	TRẦN THỊ NHƯ	THUẬN	13/12/1999	30	KTĐN8C
347	39	5083106281	NGUYỄN THỊ	THUY	08/09/1999	36	KTĐN8C
348	40	5083106282	TRẦN THANH	TRÀ	10/10/1999	15	KTĐN8C
349	41	5083106283	NGUYỄN THANH	TRÀ	11/10/1999	17	KTĐN8C
350	42	5083106284	BÙI HUYỀN	TRANG	31/03/1999	17	KTĐN8C
351	43	5083106285	VÕ NỮ THÙY	TRANG	15/03/1999	33	KTĐN8C
352	44	5083106286	HÀ HUYỀN	TRANG	12/12/1999	17	KTĐN8C
353	45	5083106288	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	15/02/1999	22	KTĐN8C
354	46	5083106290	NGUYỄN THỊ LAN	TUÔNG	19/11/1999	24	KTĐN8C
355	47	5083106291	TRẦN HOÀNG TÚ	UYÊN	15/07/1999	40	KTĐN8C
356	48	5083106293	PHẠM THỊ THANH	XUÂN	05/01/1999	47	KTĐN8C
357	49	5083106294	LƯƠNG THỊ	YÊN	20/03/1999	30	KTĐN8C
358	1	5083106168	NGUYỄN THỰC	ANH	04/12/1999	18	KTĐN8B
359	2	5083106169	ĐÀO QUỲNH	ANH	11/14/1999	20	KTĐN8B
360	3	5083106170	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	04/10/1999	41	KTĐN8B
361	4	5083106171	LÊ NGUYỄN THANH	BÁCH	17/06/1999	15	KTĐN8B
362	5	5083106172	LÂM THỊ	ĐÌNH	27/07/1999	34	KTĐN8B
363	6	5083106175	PHẠM THỊ LINH	GIANG	07/05/1999	16	KTĐN8B
364	7	5083106176	NGUYỄN THÚY	HẰNG	08/07/1999	23.5	KTĐN8B

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
365	8	5083106177	NGUYỄN THANH	HẰNG	27/05/1999	21.5	KTĐN8B
366	9	5083106178	DƯƠNG THỊ	HOA	13/09/1999	37	KTĐN8B
367	10	5083106179	NGUYỄN THỊ	HOÀI	02/04/1999	36	KTĐN8B
368	11	5083106180	NGUYỄN THỊ	HỒNG	15/09/1999	26	KTĐN8B
369	12	5083106181	NGUYỄN CÔNG PHÁT	HÙNG	11/07/1999	36.5	KTĐN8B
370	13	5083106182	TRẦN THỊ LAN	HƯƠNG	28/06/1998	19	KTĐN8B
371	14	5083106183	HỒ THỊ	HUYỀN	15/07/1999	32.5	KTĐN8B
372	15	5083106184	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	LAM	11/12/1999	16	KTĐN8B
373	16	5083106185	NGUYỄN THU	LAN	03/10/1999	23	KTĐN8B
374	17	5083106187	PHẠM THỊ MAI	LINH	16/11/1999	17	KTĐN8B
375	18	5083106190	NGUYỄN QUANG	LINH	19/10/1999	24	KTĐN8B
376	19	5083106191	PHÙNG BÍCH	LOAN	07/12/1999	17	KTĐN8B
377	20	5083106192	BÙI THỊ HIỀN	LƯƠNG	21/05/1999	18	KTĐN8B
378	21	5083106193	CHU NỮ NGỌC	MAI	16/09/1999	25	KTĐN8B
379	22	5083106194	LÊ THỊ	MAI	06/01/1999	21	KTĐN8B
380	23	5083106195	ĐINH QUỲNH	NGA	05/09/1999	15	KTĐN8B
381	24	5083106196	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	11/08/1999	29	KTĐN8B
382	25	5083106198	HOÀNG CẨM	NHUNG	02/02/1999	16	KTĐN8B
383	26	5083106199	LÊ THỊ VÂN	OANH	09/04/1999	20	KTĐN8B
384	27	5083106200	NGUYỄN LAN	PHƯƠNG	24/11/1999	21	KTĐN8B
385	28	5083106201	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	25/01/1999	19	KTĐN8B
386	29	5083106202	TRẦN ANH	QUÂN	11/06/1998	60	KTĐN8B
387	30	5083106203	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	16/02/1999	41	KTĐN8B
388	31	5083106204	VŨ THUY	QUỲNH	14/08/1999	16	KTĐN8B
389	32	5083106206	PHẠM THỊ	SAO	22/06/1999	16	KTĐN8B
390	33	5083106208	PHAN TIẾN	THÀNH	22/05/1999	30	KTĐN8B
391	34	5083106209	DƯƠNG BÁ	THÀNH	16/10/1999	28	KTĐN8B
392	35	5083106210	TÀO PHƯƠNG	THẢO	03/02/1999	37	KTĐN8B
393	36	5083106212	NGUYỄN THỊ	THƠM	21/12/1999	16	KTĐN8B
394	37	5083106213	BÙI MINH	THƯ	31/01/1999	17	KTĐN8B
395	38	5083106214	TRƯƠNG THỊ	THƯ	24/03/1999	23	KTĐN8B
396	39	5083106215	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	06/10/1999	30	KTĐN8B
397	40	5083106217	TRẦN THU	THỦY	26/08/1999	15	KTĐN8B
398	41	5083106218	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	04/05/1999	39	KTĐN8B
399	42	5083106219	NGUYỄN THU	TRÀ	30/07/1999	28	KTĐN8B
400	43	5083106221	PHAN THỊ HÀ	TRANG	22/05/1998	41	KTĐN8B
401	44	5083106224	NGUYỄN THU	TRANG	20/11/1999	26	KTĐN8B
402	45	5083106225	VŨ QUANG	TRƯỜNG	25/12/1999	30	KTĐN8B
403	46	5083106228	ĐẶNG THỊ	XUÂN	23/11/1999	15	KTĐN8B
404	1	5083106101	THÁI THÚY	AN	03/09/1999	23	KTĐN8A
405	2	5083106103	PHẠM NGỌC	ANH	03/07/1999	36	KTĐN8A
406	3	5083106104	TRỊNH THỊ VÂN	ANH	12/02/1998	15	KTĐN8A
407	4	5083106106	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	24/07/1999	17	KTĐN8A
408	5	5083106107	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	13/11/1999	16	KTĐN8A
409	6	5083106108	NGUYỄN NGỌC MAI	CHI	02/01/1999	33	KTĐN8A
410	7	5083106110	LƯƠNG THỊ ANH	ĐÀO	28/06/1998	26	KTĐN8A
411	8	5083106111	HOÀNG THỊ BÍCH	DIỆP	12/03/1999	60	KTĐN8A
412	9	5083106114	NGUYỄN THUY	DƯƠNG	22/05/1999	17	KTĐN8A
413	10	5083106116	NGUYỄN THỊ	HẢI	08/02/1999	87.5	KTĐN8A
414	11	5083106117	ĐINH THÚY	HẰNG	24/08/1999	73	KTĐN8A
415	12	5083106118	TRẦN THU	HẰNG	17/11/1999	26	KTĐN8A
416	13	5083106119	PHÍ THỊ	HẠNH	01/11/1999	31	KTĐN8A
417	14	5083106120	DƯƠNG HÙNG	HIỀN	17/02/1999	17	KTĐN8A

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
418	15	5083106121	TẠ THỊ PHƯƠNG	HOA	08/03/1999	15	KTĐN8A
419	16	5083106122	ĐẶNG THU	HOÀI	12/12/1999	34	KTĐN8A
420	17	5083106124	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	22/10/1999	29	KTĐN8A
421	18	5083106125	TẠ QUANG	HUY	24/12/1999	27	KTĐN8A
422	19	5083106127	BÙI THỊ	HUYỀN	21/06/1999	21	KTĐN8A
423	20	5083106128	MAI MINH	HUYỀN	01/09/1999	31	KTĐN8A
424	21	5083106129	LÊ THỊ PHƯƠNG	LAN	25/01/1999	38	KTĐN8A
425	22	5083106130	CAO THỊ	LIÊN	02/10/1999	22	KTĐN8A
426	23	5083106131	PHẠM THỊ	LINH	23/01/1999	18	KTĐN8A
427	24	5083106133	HOÀNG THỊ DIỆU	LINH	12/11/1999	25	KTĐN8A
428	25	5083106135	ĐỖ THỊ	LÝ	09/07/1999	17	KTĐN8A
429	26	5083106136	TRƯƠNG NGỌC	MAI	01/12/1999	16	KTĐN8A
430	27	5083106137	NGUYỄN VŨ HOÀNG	MINH	23/09/1999	43	KTĐN8A
431	28	5083106138	ĐẶNG TRÀ	MY	23/10/1999	21	KTĐN8A
432	29	5083106139	TRẦN NHO THỊ	NGÂN	19/02/1999	32	KTĐN8A
433	30	5083106140	TRẦN THỊ	NGỌC	04/12/1999	17	KTĐN8A
434	31	5083106141	TRẦN THỊ	NHÂN	01/07/1999	18	KTĐN8A
435	32	5083106142	MAI THỊ THUY	NHUNG	19/04/1999	46	KTĐN8A
436	33	5083106143	NGUYỄN THỊ	OANH	14/02/1999	32	KTĐN8A
437	34	5083106146	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	29/03/1999	30	KTĐN8A
438	35	5083106147	NGUYỄN DIỄM	QUỲNH	24/01/1999	31	KTĐN8A
439	36	5083106148	TRẦN NHƯ	QUỲNH	19/09/1999	26	KTĐN8A
440	37	5083106152	TẠ THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/09/1999	32	KTĐN8A
441	38	5083106153	PHAN HƯƠNG	THẢO	05/12/1999	23	KTĐN8A
442	39	5083106154	VŨ THỊ	THU	11/11/1998	16	KTĐN8A
443	40	5083106156	HOÀNG THỊ	THUY	30/03/1999	19	KTĐN8A
444	41	5083106157	NGUYỄN THỊ	THỦY	27/07/1999	15	KTĐN8A
445	42	5083106158	TRƯƠNG THỊ THUY	TIÊN	07/06/1999	19	KTĐN8A
446	43	5083106159	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	18/08/1999	28	KTĐN8A
447	44	5083106160	ĐẶNG THỊ THU	TRANG	16/03/1999	19	KTĐN8A
448	45	5083106161	LÊ THỊ THÚY	TRANG	02/09/1999	18	KTĐN8A
449	46	5083106162	VŨ THỊ	TRANG	07/03/1999	31	KTĐN8A
450	47	5083106163	VŨ THỊ VÂN	TRINH	13/10/1999	17	KTĐN8A
451	48	5083106165	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	24/07/1999	36	KTĐN8A
452	1	5083106528	BÙI PHAN PHƯƠNG	ANH	30/04/1999	20	CLC8.2
453	2	5083106529	ĐẶNG THỊ VÂN	ANH	18/12/1999	24	CLC8.2
454	3	5083106532	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	08/07/1999	25	CLC8.2
455	4	5083106533	HOÀNG MINH	ĐẠT	19/05/1999	22	CLC8.2
456	5	5083106534	TRẦN THÁI	DƯƠNG	20/07/1999	32	CLC8.2
457	6	5083106536	VŨ THỊ HOÀNG	GIANG	01/08/1999	19	CLC8.2
458	7	5083106537	NGUYỄN THỊ	GIANG	01/08/1999	32	CLC8.2
459	8	5083106538	VŨ HOÀNG	HÀ	30/12/1999	20	CLC8.2
460	9	5083106540	BÙI DIỄM	HƯƠNG	25/10/1999	21	CLC8.2
461	10	5083106541	PHAN THỊ THANH	HƯƠNG	02/12/1999	52	CLC8.2
462	11	5083106542	ĐÀO THỊ	HƯƠNG	06/05/1999	28	CLC8.2
463	12	5083106544	TRỊNH PHƯƠNG	LINH	11/02/1999	19	CLC8.2
464	13	5083106545	TRẦN HƯƠNG	LY	30/07/1999	31	CLC8.2
465	14	5083106546	VŨ DUY	MINH	06/12/1999	16	CLC8.2
466	15	5083106547	TRỊNH ĐÌNH	NGÀ	25/02/1998	30	CLC8.2
467	16	5083106549	TẠ PHƯƠNG	THẢO	29/08/1999	15	CLC8.2
468	17	5083106550	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	18/05/1999	19	CLC8.2
469	18	5083106552	LÊ THỊ THU	THỦY	14/01/1999	23	CLC8.2
470	19	5083106553	NGUYỄN ANH	TÚ	28/11/1997	20	CLC8.2

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
471	20	5083106555	NGUYỄN HUY	VƯƠNG	27/09/1998	18	CLC8.2
472	21	5083106558	LÊ THUY	CHUNG	14/10/1999	17	CLC8.2
473	22	5083106556	ĐIỀN NGỌC	ANH	17/01/1998	18	CLC8.2
474	23	5083106563	TRẦN PHƯƠNG	LINH	30/10/1999	16.5	CLC8.2
475	24	5083106557	TRẦN THỊ VÂN	ANH	16/01/1999	17	CLC8.2
476	25	5083106564	PHẠM THỊ	TRANG	29/11/1999	28	CLC8.2
477	26	5083106565	QUÁCH THU	THÁI	27/10/1999	26	CLC8.2
478	1	5083402201	ĐÀM ANH	DƯƠNG	30/03/1999	16	CLC TC8.3
479	2	5083402203	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	19/11/1999	18	CLC TC8.3
480	3	5083402206	NGUYỄN HỮU	KHƯƠNG	05/09/1999	15	CLC TC8.3
481	4	5083402207	NGUYỄN VIỆT	LONG	06/05/1999	21	CLC TC8.3
482	5	5083402209	HOÀNG HIẾU	NGÂN	09/06/1999	15.5	CLC TC8.3
483	6	5083402210	VÕ THỊ BÍCH	NGỌC	16/03/1999	27.5	CLC TC8.3
484	7	5083402212	LÊ VĂN	PHÚC	08/12/1999	15	CLC TC8.3
485	8	5083402213	LÊ XUÂN	THÀNH	12/01/1999	24	CLC TC8.3
486	9	5083402214	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	15/08/1999	15	CLC TC8.3
487	10	5083402215	ĐẶNG THỊ	TRANG	21/10/1999	31	CLC TC8.3
488	11	5083402216	ĐỖ QUANG	TÙNG	20/08/1999	15	CLC TC8.3
489	12	5083402217	LƯU TỔ	UYÊN	13/12/1999	39	CLC TC8.3
490	13	5083101515	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	14/12/1998	30.5	CLC TC8.3
491	1	5083106503	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	25/03/1999	17	CLC8.1
492	2	5083106504	LƯƠNG THỊ NGUYỄN	BÌNH	07/01/1999	34	CLC8.1
493	3	5083106505	ĐỖ THỊ THU	HÀ	02/01/1999	15	CLC8.1
494	4	5083106511	NGUYỄN THỊ NHẬT	LAN	26/09/1999	20	CLC8.1
495	5	5083106513	CUNG DIỆP	LY	12/05/1999	36	CLC8.1
496	6	5083106514	LÊ QUỲNH	MAI	30/11/1999	22	CLC8.1
497	7	5083106515	TẠ NHẬT	NAM	23/09/1999	28	CLC8.1
498	8	5083106516	PHẠM ANH	QUÂN	01/10/1999	17	CLC8.1
499	9	5083106518	LƯƠNG THUY	QUỲNH	27/05/1999	15	CLC8.1
500	10	5083106519	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/06/1999	22	CLC8.1
501	11	5083106520	PHẠM THỊ	THOA	19/07/1999	19	CLC8.1
502	12	5083106524	NGUYỄN VIỆT	TÙNG	17/06/1999	45	CLC8.1
503	13	5083106526	LÊ THỊ	UYÊN	25/09/1999	26	CLC8.1
504	14	5083106527	NGUYỄN THỊ THẢO	VI	08/03/1999	37	CLC8.1
505	15	5083101127	LÊ THỊ	LY	13/12/1999	27	CLC8.1
506	1	5083101501	PHẠM PHƯƠNG	ANH	18/04/1999	24	ĐTH8
507	2	5083101503	TRẦN THỊ	ANH	10/4/1999	20	ĐTH8
508	3	5083101505	NGUYỄN NGỌC	ANH	24/07/1999	26	ĐTH8
509	4	5083101507	KIỀU THÚY	CẨM	1/7/1999	18	ĐTH8
510	5	5083101508	HÀ NGUYỄN PHƯƠNG	CHINH	8/7/1999	16	ĐTH8
511	6	5083101510	NGUYỄN BẢO	ĐỨC	23/07/1999	16	ĐTH8
512	7	5083101511	LÊ THANH	GIANG	13/11/1999	24	ĐTH8
513	8	5083101512	NGUYỄN ĐỨC	HÀ	2/5/1999	47	ĐTH8
514	9	5083101513	LƯU THỊ HỒNG	HÀ	21/06/1999	24	ĐTH8
515	10	5083101514	NGUYỄN TIẾN	HẢI	18/12/1999	26	ĐTH8
516	11	5083101516	ĐẶNG QUANG	HOÀNG	25/08/1999	17	ĐTH8
517	12	5083101517	LÊ THANH	HÙNG	25/09/1999	16	ĐTH8
518	13	5083101518	HOÀNG NGHĨA	LÂM	11/4/1999	18	ĐTH8
519	14	5083101519	VŨ NGỌC	LINH	12/12/1999	21	ĐTH8
520	15	5083101520	NGUYỄN KHÁNH	LINH	4/5/1999	19	ĐTH8
521	16	5083101521	KIỀU KHÁNH	LINH	1/5/1999	17	ĐTH8
522	17	5083101522	DƯƠNG THỊ MAI	LINH	23/09/1999	17	ĐTH8
523	18	5083101523	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	26/07/1999	65	ĐTH8

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
524	19	5083101526	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	13/01/1998	19	ĐTH8
525	20	5083101527	LÊ THỊ	MỸ	13/05/1998	22	ĐTH8
526	21	5083101528	TRẦN HOÀI	NAM	8/1/1999	19	ĐTH8
527	22	5083101529	NGUYỄN TUẤN	NAM	15/11/1998	17	ĐTH8
528	23	5083101530	NGUYỄN QUỲNH	NGA	1/9/1999	17	ĐTH8
529	24	5083101531	PHẠM THỊ ÁNH	NGỌC	10/10/1999	27	ĐTH8
530	25	5083101534	TRẦN HOÀI	PHƯƠNG	8/8/1999	25	ĐTH8
531	26	5083101536	PHẠM NHƯ	QUỲNH	26/08/1999	20	ĐTH8
532	27	5083102537	PHẠM NGỌC	THẮNG	9/9/1999	21	ĐTH8
533	28	5083101538	THÁI PHƯƠNG	THẢO	12/1/1999	26	ĐTH8
534	29	5083101540	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	3/6/1999	18	ĐTH8
535	30	5083101542	NGUYỄN MINH	TRÀ	18/11/1999	22	ĐTH8
536	31	5083101543	LÊ THỊ	TRANG	12/3/1999	24	ĐTH8
537	32	5083101545	LÊ THANH	TÙNG	3/1/1999	29	ĐTH8
538	33	5083101547	NGUYỄN THỊ	VÂN	21/09/1999	26	ĐTH8
539	34	5083101548	TRỊNH PHAN HẢI	YẾN	13/06/1999	20	ĐTH8
540	1	5083101204	NGUYỄN HOANG	ANH	7/15/1999	16	ĐT8A
541	2	5083101208	PHẠM THỊ TÂM	ANH	12/25/1999	23	ĐT8A
542	3	5083101209	MAI THỊ MINH	ÁNH	7/19/1999	27	ĐT8A
543	4	5083101210	HÀ THỊ NGỌC	ÁNH	8/16/1999	34	ĐT8A
544	5	5083101212	NGUYỄN HỒNG	ĐĂNG	10/10/1999	15	ĐT8A
545	6	5083101213	VƯƠNG THẾ	ĐẠT	11/15/1999	20	ĐT8A
546	7	5083101216	LẠI THỊ THUY	DƯƠNG	7/1/1999	15	ĐT8A
547	8	5083101217	NGUYỄN THỊ MỸ	HÀ	6/21/1999	17	ĐT8A
548	9	5083101218	NGUYỄN THỊ	HÀNG	12/27/1999	22	ĐT8A
549	10	5083101219	NGUYỄN THỊ	HẠNH	11/1/1999	29	ĐT8A
550	11	5083101220	VŨ THỊ THANH	HIỀN	6/14/1999	35	ĐT8A
551	12	5083101221	PHẠM THỊ PHƯƠNG	HIỀN	1/17/1999	45	ĐT8A
552	13	5083101222	ĐÀO THỊ	HOA	1/15/1999	28	ĐT8A
553	14	5083101223	NGUYỄN MINH	HOÀNG	1/13/1999	62	ĐT8A
554	15	5083101224	DƯƠNG THỊ MAI	HƯƠNG	8/16/1999	22	ĐT8A
555	16	5083101225	LÊ MINH	HUYỀN	3/19/1999	41	ĐT8A
556	17	5083101226	NGUYỄN THỊ	KHUYẾN	10/18/1999	19	ĐT8A
557	18	5083101227	NGUYỄN DIỆU	LINH	8/31/1999	17	ĐT8A
558	19	5083101228	NGUYỄN KHÁNH	LINH	11/10/1999	43	ĐT8A
559	20	5083101229	PHÍ THỊ KIM	MAI	1/10/1999	16	ĐT8A
560	21	5083101231	LÊ THỊ THÚY	NGA	29/9/1999	17	ĐT8A
561	22	5083101232	ĐẶNG THỊ NGỌC	NGÂN	9/26/1999	18	ĐT8A
562	23	5083101233	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NGỌC	5/22/1999	17	ĐT8A
563	24	5083101235	HOÀNG KIM	PHƯƠNG	11/27/1999	27	ĐT8A
564	25	5083101236	PHAN THỊ LÊ	QUYÊN	5/29/1999	17	ĐT8A
565	26	5083101237	BÙI QUANG	TÂN	24/10/1999	16	ĐT8A
566	27	5083101238	NGUYỄN THỊ	THANH	8/3/1999	33	ĐT8A
567	28	5083101239	TẠ HỮU	THÀNH	2/22/1999	16	ĐT8A
568	29	5083101240	BÙI THU	THẢO	6/4/1999	19	ĐT8A
569	30	5083101243	TRẦN THỊ	THUY	4/21/1999	20	ĐT8A
570	31	5083101244	NGUYỄN THU	THUY	18/6/1999	15	ĐT8A
571	32	5083101245	LÊ THU	TRÀ	1/1/1999	22	ĐT8A
572	33	5083101247	TRẦN THỊ	TRANG	3/20/1999	24	ĐT8A
573	34	5083101248	NGUYỄN NGỌC	TRINH	6/16/1999	30	ĐT8A
574	35	5083101249	ĐINH THỊ	TÚ	10/15/1998	22	ĐT8A
575	36	5083101250	LÊ THANH	TÙNG	1/9/1999	22	ĐT8A
576	37	5083101251	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	16/9/1999	18	ĐT8A

STT		MSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số ngày CTXH tích lũy	Lớp
577	38	5083101252	NGUYỄN THÚY	VÂN	22/10/1999	15	ĐT8A
578	39	5083101255	NGUYỄN THỊ	VI	5/26/1999	28	ĐT8A
579	1	5083101256	TRỊNH KHÁNH	AN	6/1/1999	15	ĐT8B
580	2	5083101257	NGUYỄN HẢI	ANH	26/08/1999	37	ĐT8B
581	3	5083101258	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	18/11/1999	29	ĐT8B
582	4	5083101259	TRẦN PHƯƠNG	ANH	10/2/1999	15	ĐT8B
583	5	5083101262	NGUYỄN VĂN	ÁNH	24/02/1998	17	ĐT8B
584	6	5083101263	NGUYỄN MINH	CHIẾN	28/05/1999	16	ĐT8B
585	7	5083101264	TRẦN VĂN	ĐẠT	27/11/1999	15	ĐT8B
586	8	5083101265	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIÊN	10/7/1998	17	ĐT8B
587	9	5083101266	BÙI THỊ MỸ	DUNG	12/1/1999	26	ĐT8B
588	10	5083101267	PHẠM THÙY	DƯƠNG	23/01/1999	15	ĐT8B
589	11	5083101268	PHẠM ĐẶNG CẨM	GIANG	25/06/1999	16	ĐT8B
590	12	5083101269	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	20/03/1999	17	ĐT8B
591	13	5083101270	ĐẶNG VŨ	HẠNH	27/03/1999	27	ĐT8B
592	14	5083101271	NGUYỄN THỊ	HẠNH	30/10/1998	19	ĐT8B
593	15	5083101272	PHÙNG THỊ THANH	HIỀN	23/10/1999	24	ĐT8B
594	16	5083101273	LÊ THỊ THU	HIỀN	15/11/1999	17	ĐT8B
595	17	5083101274	PHÙNG THU	HOA	16/05/1999	20	ĐT8B
596	18	5083101275	ĐINH THỊ	HOÀI	7/9/1999	17	ĐT8B
597	19	5083101278	NGUYỄN THÚY	HUYỀN	4/7/1999	20	ĐT8B
598	20	5083101279	VŨ THỊ	LINH	21/10/1999	20	ĐT8B
599	21	5083101280	BÙI THỊ THÙY	LINH	6/8/1999	17	ĐT8B
600	22	5083101281	PHẠM TRẦN PHƯƠNG	LINH	19/05/1999	17	ĐT8B
601	23	5083101282	CAO THỊ NGỌC	LINH	4/8/1999	19	ĐT8B
602	24	5083101283	NGUYỄN THỊ DIỆU	LY	12/1/1998	19	ĐT8B
603	25	5083101284	VŨ THỊ NGỌC	MAI	5/8/1999	17	ĐT8B
604	26	5083101285	LÊ QUANG	MINH	4/4/1999	46	ĐT8B
605	27	5083101286	NGUYỄN THỊ	NGA	28/02/1999	19	ĐT8B
606	28	5083101287	HOÀNG THỊ THUY	NGÂN	12/2/1998	18	ĐT8B
607	29	5083101288	TẠ BÍCH	NGÂN	12/7/1999	15	ĐT8B
608	30	5083101289	PHAN NHƯ	NGỌC	23/02/1999	17	ĐT8B
609	31	5083101290	ĐOÀN THỊ THANH	OAI	22/08/1999	21	ĐT8B
610	32	5083101292	ĐÀO THỊ BÍCH	PHƯƠNG	2/9/1999	46	ĐT8B
611	33	5083101293	NGUYỄN THẢO	QUYÊN	26/12/1999	17	ĐT8B
612	34	5083101294	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	19/07/1999	15	ĐT8B
613	35	5083101295	VŨ THỊ THANH	TÂM	23/01/1999	16	ĐT8B
614	36	5083101296	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	9/9/1999	21	ĐT8B
615	37	5083101298	BÙI THANH	THẢO	23/01/1999	16	ĐT8B
616	38	5083101299	VŨ PHƯƠNG	THẢO	24/12/1999	16	ĐT8B
617	39	5083101300	DƯƠNG THỊ	THƠM	9/5/1999	20	ĐT8B
618	40	5083101301	DƯƠNG MINH	THU	21/07/1999	22	ĐT8B
619	41	5083101302	DƯƠNG THỊ	THƯƠNG	8/3/1999	19	ĐT8B
620	42	5083101303	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	23/09/1999	15	ĐT8B
621	43	5083101304	VÕ THU	THUY	29/12/1999	15	ĐT8B
622	44	5083101305	NGUYỄN THỊ THUY	TIÊN	31/05/1999	17	ĐT8B
623	45	5083101307	NGUYỄN MINH	TRÍ	19/06/1999	36	ĐT8B
624	46	5083101308	TRẦN THỊ ÁNH	TRINH	16/07/1999	30	ĐT8B
625	47	5083101309	TRẦN THỊ	TÚ	14/12/1999	18	ĐT8B
626	48	5083101311	TRẦN QUỐC	BẢO	24/4/1998	20	ĐT8B